TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2020/HS-ST
Ngày: 17/4/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thúy Anh;

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Quốc Sơn
Ông Nguyễn Việt Chiến

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mai Tâm, Cán bộ Tòa án nhân dân quận N Từ Liêm.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N Từ Liêm tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Tiến Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận N Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2020/TLST-HS ngày 04/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HS ngày 03/4/2020, Quyết định thay đổi kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự số 06/QĐ-VKSNTL ngày 01/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận N Từ Liêm, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 4, phường T, quận N Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 8, ngách 159/21/34 tổ dân phố số 4 P, phường T, quận N Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Phạm Thị O, sinh năm 1959;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/11/2006, bị cáo đã bị Công án quận Thanh Xuân xử phạt hành chính về hành vi *Cưỡng đoạt tài sản* (đã được xóa).

- Tại Bản án số 159/HSST ngày 29/8/2007 của Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội *Cướp tài sản*. Ra trại ngày 30/8/2010 (đã được xóa án tích).

Bị cáo đầu thú ngày 17/11/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội. (*Có mặt*).

2. Trần Văn N, sinh năm 1996. Đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 4, phường T, quận N Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 53, ngõ 243/1, tổ dân phố số 4 P, phường T, quận N Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970; Vợ là: Lê Bích H, sinh năm 1997; Có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 264/HSST ngày 30/10/2016 của Tòa án nhân dân quận N Từ Liêm xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*. Ra trại ngày 01/9/2017 (đã được xóa án tích).

Bị cáo đầu thú ngày 04/02/2020. Bị cáo tại ngoại. (*Có mặt*).

- Bị hại: Anh Đoàn Hữu Q, sinh năm 1997. HKTT: Tổ 6, phường Quyết Tâm, thành phố S, tỉnh S. (*Vắng mặt*).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Bích H, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Số 53, ngõ 243/1, tổ dân phố số 4 P, phường T, quận N Từ Liêm, thành phố Hà Nội. (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 12/11/2019, Nguyễn Ngọc T và Trần Văn N rủ nhau đi chơi game. Sau đó, N chở T bằng xe máy Honda Wave của N đến quán game ở số 76 ngõ 127 P thuộc phường T, N Từ Liêm, Hà Nội để chơi điện tử. Khi đến nơi, T nhìn thấy chiếc xe máy Honda Wave mang BKS: 26B2-428.54 của anh Đoàn Hữu Q (SN: 1997; NKTT: Tổ 6, phường Quyết Tâm, thành phố S, tỉnh S) để ở cửa quán giống với xe máy của N. Sau khi vào chơi điện tử, T nhìn thấy chùm chìa khóa xe máy để trên bàn phím máy tính trông giống với chìa khóa xe của N nên đã lấy chùm chìa khóa xe đối chiếu với chìa khóa xe của N và thấy giống nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe máy. Chơi được khoảng 10 phút, N rủ T đi về thì T cầm chiếc chìa khóa xe máy đã lấy đi ra mở khóa xe BKS: 26B2-428.54 và nổ máy thì N hỏi: "Anh đi xe của

ai đó", T bảo: "Cứ đi đi". Sau đó, cả hai đi ra đường Lương Thế V, trên đường đi T thấy quán rửa xe nên mang xe vào để rửa. Tại quán rửa xe, T đã nói với N: "Anh vừa lấy được con xe, em có chỗ nào bán hay cầm cố không". N bảo: "Đợi em chút". N sau đó gọi điện thoại hỏi người quen nhưng được trả lời là không có chỗ nào bán hay cầm cố xe nên T bảo N "để anh mang xuống chỗ anh Q mượn tạm mấy triệu tiêu". Rửa xe xong, T tháo biển kiểm soát của xe cho vào cốp rồi cùng N đi đến nhà Nguyễn Hồng Q (SN: 1977) ở số 2D5 tổ 5, P, H, Hà Nội. Khi đến nơi, N chờ ở ngoài còn T vào nhà bảo Q: "Cho em vay 5 triệu tiêu, em để con xe ở đây mấy hôm". Anh Q có hỏi về nguồn gốc xe thì T bảo xe nhà em nên anh Q đồng ý cho T vay 4.050.000 đồng. Do không có tiền mặt nên Quân bảo sẽ chuyển khoản, T ra gặp N bảo N đọc số tài khoản của N để Q chuyển tiền vào tài khoản. Sau khi Q chuyển khoản số tiền 4.050.000 đồng, N và T ra cây ATM (gần Học viện Bưu chính viễn thông) rút số tiền 3.900.000 đồng và N lấy thêm tiền trong ví đưa cho T đủ số tiền 4.050.000 đồng, T đưa lại cho N 2.000.000 đồng nói là tiền T trả nợ tiền vay của chị Lê Bích H (vợ của bị cáo N) trước đó, còn lại 2.050.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 17/11/2019, Nguyễn Ngọc T đã chuộc lại xe máy và đến cơ quan công an đầu thú và giao nộp cơ quan điều tra.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc T và Trần Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy Honda Wave mang BKS: 26B2-428.54.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 463/KLĐGTS ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận N Từ Liêm, xác định: *Chiếc xe máy Honda Wave, BKS: 26B2-428.54 trị giá 18.000.000 đồng.*

Đối với Nguyễn Hồng Q có hành vi cho T vay tiền và để lại xe máy làm tin nhưng do Q không biết chiếc xe máy trên là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập để xử lý.

Ngày 25/11/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy BKS: 26B2-428.54 cho anh Đoàn Hữu Q. Anh Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 02/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận N Từ Liêm đã truy tố Nguyễn Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, Trần Văn N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, Trần Văn N đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 17/11/2019.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tham gia tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận N Từ Liêm, Viện kiểm sát nhân dân quận N Từ Liêm và của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 10 phút, ngày 12/11/2019, tại quán game ở số 76 ngõ 127 P thuộc phường T, N Từ Liêm, Hà Nội, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy Honda Wave mang BKS: 26B2-428.54 trị giá: 18.000.000 đồng của anh Đoàn Hữu Q.

Bị cáo Trần Văn N mặc dù biết rõ Nguyễn Ngọc T đã có hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn giúp T đi tiêu thụ chiếc máy trên và cho T mượn tài khoản của mình để nhận và rút tiền giao cho T. Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Trần Văn N đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Như cáo trạng của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ phù hợp pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, bởi các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an cho xã hội. Các bị cáo là đều người đã trưởng thành có khả năng nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, buộc phải nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nhận thức được hậu quả do hành vi đó gây ra nhưng do hám lợi mong kiếm tiền bất chính mà các bị cáo đã phạm tội. Xét vai trò của các bị cáo thấy, bị cáo Nguyễn Ngọc T là người chủ động và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo Trần Văn N mặc dù biết rõ Nguyễn Ngọc T đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhưng vẫn giúp T đi tiêu thụ chiếc xe máy trên và cho T mượn tài khoản của mình để nhận và rút tiền giao cho T. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T: Bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, tài sản đã thu hồi và trả lại cho người bị hại , bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo T có nhân thân xấu, năm 2006 bị cáo đã bị Công an quận Thanh Xuân xử phạt hành chính về hành vi "Cưỡng đoạt tài sản" (đã được xóa). Năm 2007 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" (đã được xóa án tích).

Đối với bị cáo Trần Văn N: Bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2016 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận N Từ Liêm xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (đã được xóa án tích).

Tuy nhiên, các bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do bị cáo gây ra.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên: Xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn N mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về dân sự: Bị hại là anh Đoàn Hữu Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng bị cáo Nguyễn Ngọc T đưa lại cho bị cáo Trần Văn N là khoản tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có cần truy nộp sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Trần Văn N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2019.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Trần Văn N.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ vào Điều 47; Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn N phải giao nộp số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND Q.N Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.N Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.NTừ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Anh